TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2021
V/v: "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trương Văn Ánh

2/Ông Đinh Công Đoàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Trần Văn Minh tham dự phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2021/TLST – HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HN ngày 21/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

ĐKHKTT: Số 2520/18, ấp H, xã N, B, Vĩnh Long.

Tạm trú: Số 8, Quốc lộ 1A, ấp P, xã S, T, Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 2520/18, ấp H, xã N, B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 11/5/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày:

Chị Nguyễn Ngọc M và anh Phạm Văn T sau thời gian quen biết và tìm hiểu, anh và chị tiến đến sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1999, vợ chồng không tổ chức lễ cưới, không có nữ trang cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Thảnh, huyện Bình Minh nay là huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2004.

Sau ngày cưới vợ chồng về sống tại ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long. Anh chị sống hạnh phúc được 20 năm và có sinh được 2 con chung tên Phạm Tấn V, sinh ngày 22/11/2000; cháu Phạm Thuỳ D, sinh ngày 4/9/2006 . Hiện cháu V đã trưởng thành nên chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu D đang sống với chị M.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc, do chồng cư xử không tôn trọng và thường xuyên vô cớ xúc phạm, chửi mắng chị M. Mặc dù chị M đã nhiều lần khuyên can chồng thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai nên chị Mau quyết định xin ly hôn anh T. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Phạm Tấn V, sinh ngày 22/11/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 04/9/2006, chị M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021 bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Theo trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, nữ trang cưới, con chung, tài sản chung như trong đơn khởi kiện là đúng. Còn về mâu thuẫn gia đình là không đúng vì anh T và chị M không có mâu thuẫn gì cả, có thời gian khoảng tháng 10/2019 âm lịch thì chị M nói với anh T là đi thành phố để đi làm và học nghề trên người em bà con của chị M và chị M nói với anh T là đi khoảng 3 - 4 tháng rồi về. Mùng 02 tháng 01 năm 2020 âm lịch thì chị M về và nói với anh T thôi anh T cưới vợ khác đi khi đó anh T suy nghĩ trong đầu tại sao chị M nói năng gì kỳ vậy đã ở với nhau có 02 con rồi và con cũng đã lớn rồi. Đến ngày 07/01/2020 âm lịch thì chị M nói thôi 02 vợ chồng mình ly hôn với nhau đi nhưng anh T không đồng ý, rồi chị M mới nói với anh T nếu không ly hôn thì vợ chồng mình ly thân 01 năm đi nếu sau 01 năm mà vợ chồng còn thương thì quay lại sống với nhau. Khi nói xong thì chị M kêu xe honda ôm và lên xe bỏ đi lên thành phố Hồ Chí Minh, Khoảng tháng 7/2020 âm lịch thì chị M về nhà và đến tháng 8/2020 âm lịch thì chị M bỏ nhà đi xuống xã S, huyện T thuê nhà để buôn bán shop hoa tươi cho đến nay. anh T có đến khuyên chị M về đoàn gia đình rất nhiều lần nhưng chị M không đồng ý. anh T cho rằng anh và chị M không có mâu thuẫn gì mà đến nổi phải ly hôn. Nay anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương chị M và con. Nếu Tòa án chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T thì anh T đồng ý cho chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thùy D và anh T không cấp dưỡng nuôi con, anh T có bao nhiêu thì cho con bấy nhiêu vì hiện tại cháu D thường xuyên sống với anh T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Tại phiên tòa:

- Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Theo lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, nữ trang cưới, con chung, tài sản chung là đúng. Còn về mâu thuẫn gia đình là không đúng vì anh T và chị M không có mâu thuẫn gì lớn. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 7/01/2020 cho đến nay. Anh T có đến khuyên chị M về đoàn tụ gia

đình rất nhiều lần nhưng chị M không đồng ý. Nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý. Về con chung: cháu Phạm Tấn V, sinh ngày 22/11/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Phạm Thuỳ D, sinh ngày 4/9/2006 anh T đồng ý cho chị M được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Thùy D. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi thì anh T không đồng ý. Nhưng anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và anh T yêu cầu được quyền thăm nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến là việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 58, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quãn lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn anh Phạm Văn T

Về con chung: Giao cháu Phạm Thùy D cho chị Nguyễn Ngọc M nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc M nộp 300.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn T nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, do đó áp dung Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1999, chị Nguyễn Ngọc M và anh Phạm Văn T quen biết, sau thời gian tìm hiểu và tiến tới sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Thảnh, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2004 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị M cho rằng vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, do anh T cư xử không tôn trọng và thường xuyên vô cớ xúc phạm chị M, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị M và anh T đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được tình cảm nên chị M cương quyết ly hôn anh T. Anh T đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của chị M là có cơ sở. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn anh Phạm Văn T.

[4]Xét về con chung: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Phạm Văn T chung sống với nhau có sinh được 2 con chung tên Phạm Tấn V, sinh ngày 22/11/2000; cháu Phạm Thuỳ D, sinh ngày 4/9/2006. Hiện cháu V đã trưởng thành nên chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu D đang sống với chị M. Chị M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý để cho chị M được quyền nuôi dưỡng cháu D và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Xét thấy chị M yêu cầu được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D. Hơn nữa cháu D là con gái nên để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập của cháu D không bị thay đổi nên để chị M được quyền nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và không trái pháp luật. Xét Chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng là cao so với quy định của pháp luật, hơn nữa anh T làm thợ hồ là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên yêu cầu của chị M được chấp nhận 1 phần. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp. Xét yêu cầu của chị M là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận 1 phần. Cháu Phạm Tấn V, sinh ngày 22/11/2000 đã trưởng thành, chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Chị Nguyễn Ngọc M được quyền nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 4/9/2006, đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Buộc anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn T được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Phạm Văn T không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Ngọc M nộp 300.000 đồng, chị M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011940 ngày 11/5/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn T nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc M.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc M được ly hôn anh Phạm Văn T.

2/Về con chung:

- Cháu Phạm Tấn V, sinh ngày 22/11/2000 đã trưởng thành, chị M và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Chị Nguyễn Ngọc M được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 4/9/2006 đến khi cháu D đủ 18 tuổi và Buộc anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn T được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Mau có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Ngọc M và anh Phạm Văn T không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Ngọc M nộp 300.000 đồng, chị M được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011940 ngày 11/5/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn T nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, Vĩnh Long.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/Án xử công khai có mặt bị đơn anh Phạm Văn T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSNDH Bình Tân;
-THADSH Bình Tân;
-UBND xã Nguyễn Văn Thảnh, Bình Tân, Vĩnh Long;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THÀNH TỰU